

Bản án số: 03/2022/HS-ST

Ngày: 20/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung -
Cán bộ Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lạc - Kiểm sát viên.

----- ☐ -----

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2021/TLST - HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Cao Thành P - sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm biển nhưng không ổn định; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Cao Thành N (chết) và bà Nguyễn Thị L; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Đinh Thị Bích H (đã ly thân) và 2 con, lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2019, và 1 con riêng với người khác sinh năm 2020 (ngoài giá thú); Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn; ngày 02/8/2021 bị cáo ra đầu thú, bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam đến ngày 19/8/2021. Ngày 20/8/2021 cho bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:**

Bà Đặng Thị Th - sinh năm: 1975 (có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có nghĩa vụ liên quan:**

Ông Ngô Đức L - sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Bình Thuận

Hiện đang tạm giam tại: Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận
(Trong vụ án khác).

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- Người làm chứng:

1/ Chị Trần Thị Kim A – sinh năm: 2002 (có mặt)

2/ Ông Trần Văn T – sinh năm: 1972 (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, thông qua việc môi giới mua bán đất trên địa bàn huyện P, Cao Thành P, sinh ngày 11/02/1990, thường trú ở thôn T, xã N, huyện P quen biết ông Ngô Đức L, sinh năm 1981, thường trú cùng thôn. Trong một lần gặp nhau Cao Thành P thấy Ngô Đức L có 01 bản in màu có nội dung là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 327416, thửa đất ở nông thôn số 134, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại xã N, huyện P, tỉnh Bình Thuận, diện tích 113 m², do UBND huyện P cấp ngày 05/7/2017, đứng tên ông Ngô Đức L. Ngô Đức L nói với Cao Thành P rằng L muốn bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này (sổ đất giả). Sổ này, Ngô Đức L đã thuê 1 đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) cách đó khoảng 4, 5 năm trước qua mạng Internet đặt làm giả sổ đất nêu trên với mục đích sử dụng lừa đảo người khác cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cao Thành P khi nghe L nói muốn bỏ giấy chứng nhận giả này thì P xin thì được L đồng ý. Vào ngày 20/10/2020, vì muốn có tiền tiêu xài, Cao Thành P đã gặp bà Đặng Thị T, sinh 1975, thường trú tại thôn T, xã L, huyện P là chị họ phía bên vợ của P để vay tiền nhưng sợ bà T không đồng ý nếu không có gì thể chấp, làm tin vì P và bà T không có thân thiết. Cao Thành P mới nảy sinh thủ đoạn lấy bản in màu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà P đã xin của Ngô Đức L năm 2019 để lừa bà T.

Cao Thành P đến nhà bà Đặng Thị T và nói muốn vay số tiền 30.000.000 đồng bằng cách thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 327416 nêu trên. Cao Thành P trình bày rằng Ngô Đức L cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để vay tiền của P và P muốn vay tiền của bà T đưa cho Ngô Đức L vay lại. Để tạo thêm lòng tin ở bà Đặng Thị T, Cao Thành P đưa cho bà T xem hình ảnh chứng minh nhân dân của ông Ngô Đức L lưu trong điện thoại của P (*P có được qua môi giới đất cho L*). Bà Đặng Thị T tin tưởng những lời nói dối của P là thật và P có cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà T không biết là bản in màu - giấy giả) nên cho P vay 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). Bà Đặng Thị T chỉ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cất giữ trong két sắt mà không có làm bất cứ giấy tờ nào khác. Đến ngày 25/10/2020, Cao Thành P tiếp tục đến gặp bà Đặng Thị T tại nhà để tiếp tục lừa vay thêm 10.000.000 đồng và cũng nói là cho Ngô Đức L vay lại. Bà Đặng Thị T đồng ý và cho P vay thêm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tổng cộng 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Cao Thành P có đưa cho bà T 01 giấy mượn tiền thể hiện Ngô Đức L mượn P 10.000.000 đồng để bà T tin tưởng. Mẫu giấy này Cao Thành P thuê ông Trần Nhân Á, sinh năm 1956 ở thôn Q, xã N, huyện P đánh mẫu rồi tự viết nội dung và tự ký tên của mình và của Ngô Đức L vào đó. Bà Đặng Thị T yêu cầu Cao Thành P viết giấy thể hiện nội dung cho vay tổng cộng 40.000.000 đồng từ ngày

20/10/2020. Cao Thành P đồng ý nhưng không viết giấy vay tiền với bà T mà đi về nhà lấy thêm một mẫu đã thuê cơ sở in ấn, quảng cáo Tường Á làm rồi đến nhà bà T tự ghi, ký thể hiện Phô cho Ngô Đức L vay 40.000.000 đồng. Bà Đặng Thị T nhận lấy cả hai giấy mượn tiền cất giữ ở nhà.

Khoảng 03 tháng sau, bà Đặng Thị T thấy Cao Thành P mới trả số tiền lãi 600.000 đồng không như thỏa thuận, gọi điện thoại không nghe máy nên sinh nghi ngờ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra so sánh với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình mới biết đó là giấy giả nên điện thoại yêu cầu Cao Thành P đến nhà để làm rõ. Sau đó Cao Thành P đến nhà trình bày với bà Đặng Thị T (*lúc này có con ruột của bà Thúy là Trần Thị Kim A, sinh năm 2002 chứng kiến*). Sau đó để đảm bảo sẽ thanh toán tiền, Cao Thành P viết một giấy tay thể hiện P có vay 40.000.000 đồng của bà T, thời hạn cho vay là 06 tháng, từ ngày 25/10/2020 đến ngày 25/04/2021 nhưng sau đó P vẫn không trả tiền gốc, lãi nên bà Đặng Thị T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P trình báo sự việc.

Quá trình điều tra Cao Thành P thừa nhận đã dùng thủ đoạn gian dối (tài liệu, thông tin giả) với mục đích tìm mọi cách để chiếm đoạt tiền của bị hại. Tuy nhiên, sau khi được bảo lãnh và biết bị khởi tố bổ sung về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” với tính chất tội phạm nghiêm trọng, Cao Thành P đã thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không thừa nhận về việc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tại Bản kết luận giám định số 591/KLGD-PC09 ngày 19/5/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

- Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 327416 là phôi giả, được làm giả bằng phương pháp in màu;

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: “U.B.N.D HUYỆN P - TỈNH BÌNH THUẬN ★” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 327416 là hình dấu giả, được làm bằng phương pháp in màu.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ những đồ vật, tài liệu gồm:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CD 327416, thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 113 m², địa chỉ tại xã N, huyện P, tỉnh Bình Thuận, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn; Giấy chứng nhận đứng tên ông Ngô Đức L, sinh 1981, thường trú tại thôn H, xã T, huyện P. Giấy chứng nhận do ông Nguyễn Văn L, Phó Chủ tịch UBND huyện P ký cấp ngày 05/7/2017;

- 01 giấy mượn tiền không đề ngày tháng, nội dung Ngô Đức L mượn Cao Thành P số tiền 10.000.000 đồng;

- 01 giấy mượn tiền không đề ngày tháng, nội dung Ngô Đức L mượn Cao Thành P số tiền 40.000.000 đồng;

- 01 giấy mượn tiền không đề ngày tháng, nội dung Đặng Thị T cho Cao Thành P mượn số tiền 40.000.000 đồng;

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cung cấp một phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 654962.

- Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 25/9/2021 bị hại Đặng Thị T có đơn yêu cầu Cao Thành P phải trả cho bà tổng số tiền là 44.900.000 đồng (*trong đó gốc 40.000.000đ và lãi 4.900.000đ*). Cao Thành P đồng ý trả cho bà T nhưng chưa có đủ tiền trả.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKSPQ-HS ngày 05/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận truy tố Cao Thành P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận thực hành quyền công tố phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng:

- Khoản 1 Điều 174, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo Cao Thành P từ 09 đến 12 tháng tù.

- Điểm d khoản 2 Điều 341, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo Cao Thành P từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tổng hợp hình phạt 2 tội cho bị cáo Cao Thành P.

Về vật chứng vụ án: Không

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Cao Thành P trả cho bà Đặng Thị T số tiền 44.900.000 đồng (*trong đó gốc 40.000.000đ và lãi 4.900.000đ*).

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận là có hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bà Đặng Thị T. Về hành vi “*sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” thì bị cáo không thừa nhận, bị cáo chỉ sử dụng bản in màu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

^[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

^[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức thì bị cáo không thừa nhận, bị cáo chỉ sử dụng bản in màu. Tuy nhiên, bị cáo lại khẳng định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ thật) là do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, còn giấy giả là không phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, bị

cáo chỉ sử dụng giấy in màu không biết là giấy giả là không có cơ sở; hơn nữa, tại bút lục 101 có trong hồ sơ vụ án, Ngô Đức L khai có nội dung “*việc P dùng giấy này đi lừa đảo thì L không biết. Khi L cho P giấy này P biết giấy này là giấy giả nên mới xin*”. Do đó, căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, các biên bản lời khai hỏi cung bị cáo trước đó, lời khai người bị hại, liên quan và làm chứng đều phù hợp với nội dung Cáo trạng; căn cứ kết luận giám định số 591/KLGD-PC09 ngày 19/5/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, đủ cơ sở khẳng định: Trong tháng 10 năm 2020, Cao Thành P đã dùng giấy giả về hình thức và nội dung (giấy in màu) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CD 327416 do UBND huyện P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/7/2017 mang tên Ngô Đức L để thế chấp cho bà Đặng Thị T, đồng thời Cao Thành P còn tạo niềm tin cung cấp thông tin giả tạo như giấy vay tiền giữa L và P, CMND của L để cho bà T cho P vay số tiền 40.000.000 đồng. Bà T không biết đây là sổ giả nên đã bị Cao Thành P lừa và cho P vay tiền này. Sau khi vay được tiền, Cao Thành P đi khỏi địa phương, từ đó chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của bà Đặng Thị T. Cao Thành P đã sử dụng tài liệu giả (bản in màu) là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có thông tin thuộc thẩm quyền cấp của UBND huyện P với mục đích “lừa dối” để chiếm đoạt tiền của bà T, phạm tội ít nghiêm trọng.

Vì vậy, các hành vi nêu trên của Cao Thành P đã đủ yếu tố cấu thành các tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo Cao Thành P theo các tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

^[2.1] Xét, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, đến hoạt động bình thường, đúng đắn của Cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó cần phải xử lý nghiêm để răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

^[2.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

^[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; riêng về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức thì bị cáo không được hưởng. Mặt khác, sau khi bị truy nã, bị cáo đã ra đầu thú; khi phạm tội bị cáo có nhân thân chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

^[3] Đối với ông Ngô Đức L người cho P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CD 327416 hiện bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận khởi tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” nên không xử lý trong vụ án này.

^[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả (giấy in màu) số CD 327416 do UBND huyện P cấp ngày 05/7/2017 mang tên Ngô Đức L, đây là vật chứng không có giá trị sử dụng phải tịch thu tiêu hủy nhưng cần lưu tại hồ sơ vụ án tại bút lục số 69 + 70.

Về dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại Đặng Thị T yêu cầu Cao Thành P trả tổng số tiền là 44.900.000 đồng; trong đó: Gốc 40.000.000 đồng và lãi 4.900.000 đồng, bị cáo đồng ý và chấp nhận trả. Xét yêu cầu của người bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

^[5] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Cao Thành P phạm các tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo Cao Thành P 2 (hai) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo Cao Thành P 9 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tổng hợp hình phạt của 2 tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo Cao Thành P phải chấp hành hình phạt chung là 2 (hai) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2021 đến ngày 19/8/2021 được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2/ Các biện pháp tư pháp:

- *Về vật chứng:* Không

- *Về dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Buộc bị cáo Cao Thành P phải trả cho bà Đặng Thị T tổng số tiền là 44.900.000 đồng; trong đó: Gốc 40.000.000 đồng và lãi 4.900.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cao Thành P phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.245.000 đồng (*hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 20/01/2022*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Tòa án tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND huyện P;*
- *Công an huyện P;*
- *THA huyện P;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Lưu VP, HS vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Kiệt